

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 1820/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**ỦY BAN HÀNH BỘ TIÊU CHÍ “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” trên địa
bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020**

SỐ: 2864
Ngày: 06/6/2018
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định chỉ tiêu đối với các nội dung, tiêu chí Trung ương giao cho tỉnh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Công văn số 33/VPĐP ngày 23/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2020 (Sau đây gọi là Bộ tiêu chí nâng cao).

Bộ tiêu chí này là căn cứ để tập trung chỉ đạo, hỗ trợ xây dựng các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã phấn đấu đạt nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trở thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao”.

Bộ tiêu chí nâng cao chỉ xác định những chỉ tiêu mới hoặc có mức yêu cầu cao hơn, không lặp lại các tiêu chí và chỉ tiêu đang áp dụng hiện hành. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ngoài việc đạt được các tiêu chí, chỉ tiêu theo Bộ

tiêu chí này, còn phải đảm bảo duy trì đạt các tiêu chí và chỉ tiêu khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Bộ tiêu chí nâng cao sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tình hình thực tế ở địa phương trong từng giai đoạn.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, tham mưu UBND tỉnh tăng cường bố trí các nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn huy động khác cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo đúng mục tiêu quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

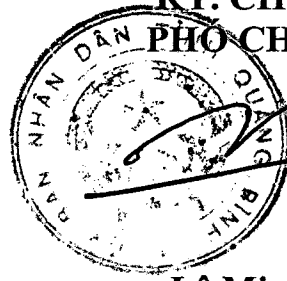
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối TW (b/c);
- Các TV BCD các Chương trình MTQG tỉnh;
- Văn phòng ĐPNMTM tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Ngân


BỘ TIÊU CHÍ “XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO” GIAI ĐOẠN 2018 – 2020
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Quy hoạch xây dựng xã được rà soát, điều chỉnh 5 năm/lần theo quy định của Luật xây dựng	Đạt
		1.2. Có 100% cụm dân cư của xã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt	Đạt
		1.3. Có quy chế quản lý quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch được duyệt.	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tất cả các điểm giao nhau của các đường giao thông từ đường trục thôn trở lên phải có biển báo giao thông.	Đạt
		2.2. Tỷ lệ Đường trục thôn, xóm được bê tông hóa và nhựa hóa đạt chuẩn.	≥80%
		2.3. Tỷ lệ Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện quanh năm	≥75%
		2.4. Tỷ lệ đường trục xã, trục thôn và đường ngõ, xóm có nhà ở liền kề có hệ thống đèn chiếu sáng.	≥80%
3	Thủy lợi	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là cây lúa) được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%
4	Cơ sở vật chất văn hóa	4.1. Trung tâm văn hóa thể thao xã và 100% số Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn (bản) được trang bị một số dụng cụ, trang thiết bị cơ bản phục vụ sinh hoạt của nhân dân, người cao tuổi và trẻ em; điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.	Đạt
		4.2. Trung tâm văn hóa thể thao xã và 100% số Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn (bản) được khai thác, sử dụng có hiệu quả, thường xuyên được chỉnh trang, tu sửa đảm bảo bền vững, xanh, sạch, đẹp.	Đạt
5	Phát triển sản xuất	5.1. Có sản phẩm tham gia đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của tỉnh.	Có ít nhất 1 sản phẩm
		5.2. Có các mô hình PTSX: Vườn mẫu, cánh đồng mẫu, SRI, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao hữu cơ và có liên kết tham gia chuỗi giá trị	Có ít nhất 03 mô hình
		5.3. Tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất đối với cây trồng, vật nuôi chính.	≥ 80%
6	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 2,5%

Handwritten mark

7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người cao gấp 1,2 lần trở lên so với mức quy định xã đạt chuẩn trong năm xét công nhận	Đạt
8	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 95\%$
9	Giáo dục	9.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo.	$\geq 65\%$
		9.2 Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.	Đạt
		9.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề	$\geq 90\%$
		9.4. Số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú tại địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và cung cấp thông tin để PTSX, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.	100%
10	Y tế	10.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 90\%$
		10.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 23\%$
		10.3. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; thực hiện kiểm soát được các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt
11	Văn Hóa	11.1. Tỷ lệ thôn (bản) đạt và vượt chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 80\%$
		11.2. Thôn (xóm, bản) có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên, thu hút số lượng lớn người dân tham gia	Đạt
		11.3. Các di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể) truyền thống được quản lý, bảo vệ giữ gìn và phát huy.	Đạt
		11.4. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, trong việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động khác của cộng đồng.	Đạt
12	Môi trường	12.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo nước sạch cho 100% số hộ dân	Đạt

ba

		12.2. Các tuyến kênh mương luôn được nạo vét, đảm bảo sạch sẽ, thông thoáng, không ách tắc; các tuyến đường giao thông nông thôn được vệ sinh sạch sẽ có cây xanh, đường hoa, luôn giữ cảnh quan, không gian nông thôn – xanh – sạch – đẹp	Đạt
		12.3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt
		12.4. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh. 100% trở lên lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	Đạt
		12.5. Có 100% Hộ gia đình tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, trong đó có $\geq 85\%$ hộ đạt 3 sạch.	Đạt
13	An ninh trật tự	Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt
14	Hành chính công	14.1. Có áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:20015 vào hoạt động quản lý tại UBND xã.	Đạt
		14.2. Xã có đài truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh và có 100% số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động.	Đạt
		14.3. Xã có sử dụng các phần mềm ứng dụng: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống một cửa điện tử trong công tác quản lý, hoạt động của UBND xã	Đạt
		14.4. UBND xã có trang thông tin điện tử, thường xuyên cập nhật thông tin, công khai các hoạt động và các thủ tục hành chính của xã.	Đạt
		14.5. Có quy chế dân chủ được triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng có chương trình, kế hoạch hoạt động, phát huy tính hiệu quả.	Đạt
		14.6. Tất cả các thôn, bản có hương ước, quy ước; hương ước, quy ước được xây dựng đúng trình tự, thủ tục và không có nội dung trái pháp luật	Đạt
		14.7. Xã có tổ tư vấn về pháp luật, chính sách cho người dân. Người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thực hiện tốt quy ước, hương ước cộng đồng.	Đạt

ba

VP HĐND & UBND
HUYỆN LỆ THUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lê Thủy, ngày 6 tháng 6 năm 2018

PHIẾU XỬ LÝ CÔNG VĂN

Kính gửi: Đ/c Lê Văn Báo

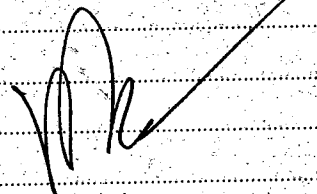
VP Kế hoạch, Foto:

- T² Huyện ủy, T² HĐND huyện
- CS, PC UBND huyện
- Các phòng ban thuộc UBND huyện
- UBND xã

Đề nghị giao phòng NKS - P. KS tham mưu
chỉ đạo thực hiện og báo

**Ý KIẾN PHÊ DUYỆT
CỦA LÃNH ĐẠO HUYỆN**

Ngày..... tháng..... năm 2018



Q. CHÁNH VĂN PHÒNG



Phan Đình Tư